

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 4 – 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Châu

2. Ông Đào Khel

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Bích Ngọc, Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: bà Đồ Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Danh Sa Đ; địa chỉ: số C, đường C, Khóm E, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: ông Thạch Ngọc T; địa chỉ: số C, đường C, Khóm E, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà D Sa Đa trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Danh Sa Đ và ông Thạch Ngọc T tổ chức đám cưới vào năm 2003; đến năm 2007 vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND phường H1,

thành phố S và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 23-3-2007. Sau khi tổ chức đám cưới bà về sống chung với bên cha mẹ chồng, sau đó bà về cha mẹ ruột sinh sống. Vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 thì ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Do đó Bà Danh Sa Đ muốn ly hôn với ông Thạch Ngọc T.

- Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân bà Danh Sa Đ và ông Thạch Ngọc T có 02 người con tên Thạch Thị Yến N (nữ), sinh ngày 20-7-2006 và Thạch Ngọc Anh H (nam), sinh ngày 19-04-2010.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Nay bà Đ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: sau khi ly hôn, bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo Biên bản hoà giải ngày 07 tháng 12 năm 2023 và các lời khai tại phiên tòa bị đơn ông Thạch Ngọc T trình bày: ông thừa nhận lời trình bày của bà Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật; nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Đ quen biết người đàn ông khác, mọi chuyện trong gia đình đều tự quyết định không hỏi ý kiến ông. Ông không muốn ly hôn với bà Đ vì còn thương vợ, con. Nếu ly hôn con ông đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Đ và ông T là vợ chồng trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T, về con chung bà yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: vụ án trên được xác định quan hệ pháp luật theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông T có địa chỉ thường trú tại thành phố S theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[3] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Đ: theo đơn khởi kiện bà Đ về con chung, sau khi ly hôn với ông T, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Tại phiên toà bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung là sau khi bà và ông T ly hôn con chung bà đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không có cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Đ còn trong phạm vi khởi kiện; căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Đ về con chung.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà Đ và ông T kết hôn vào năm 2007, có đi đăng ký kết hôn và tại H1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, ngày 23/3/2007. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn bà Đ và ông T đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của bà Đ, ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đ: thấy rằng, theo lời trình bày của bà Đ và ông T, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của bà Đ là do ông Thái g, cho rằng bà quen biết với người khác, nên khi uống rượu bia về nói đi nói lại đến 02 giờ sáng và ông T cũng thừa nhận vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Đ quen biết với người đàn ông khác, mọi chuyện trong gia đình bà Đ đều tự quyết định, không hỏi ý kiến ông, từ đó mà vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên. Nhận thấy, trước khi Toà án tiến hành thụ lý giải quyết thì bà Đ có yêu cầu hoà giải tại toà án nhưng kết quả cũng không đạt được và tại phiên toà Hội đồng xét cũng động viên bà Đ hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng bà Đ vẫn kiên quyết ly hôn. Từ những phân tích trên cho thấy thực trạng mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; hiện nay bà Đ và ông T mỗi

người đều có cuộc sống riêng, không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

[6] Về con chung: bà Đ và ông T có 02 người con tên Thạch Thị Yến N (nữ), sinh ngày 20-7-2006 và Thạch Ngọc Anh H (nam), sinh ngày 19-04-2010. Theo nguyện vọng của cháu H thì sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với ông T; còn cháu N toà án không tiến hành lấy được ý kiến. Theo đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Tuy nhiên, tại phiên toà bà Đ thay đổi yêu cầu đồng ý giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Thấy rằng, hiện nay 02 người con đều do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu vẫn được đi học, được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Xuất phát từ mọi lợi ích của 02 cháu, căn cứ vào Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình cần phải giao cháu N, cháu H cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về tài sản chung: bà Đ và ông T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: bà Đ và ông T trình bày vợ chồng không có và cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bà Đ phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Danh Sa Đ được ly hôn với ông Thạch Ngọc T.
2. Về con chung: sau khi bà Đ ly hôn với ông T, con chung tên Thạch Thị Yến

N (nữ), sinh ngày 20/7/2006 và Thạch Ngọc Anh H (nam), sinh ngày 19/04/2010, giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; bà Đ không có cấp dưỡng cho cháu N và cháu H.

Bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu N và cháu H mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Toà án không có xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Toà án không có xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Danh Sa Đ phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011524 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà Đ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- TAND - TST;
- UBND Phường 8, TPST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thanh Bình